

VỊ TRÍ CỦA ASEAN TRONG **CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA LB NGA HIỆN NAY**

PGS.TS. Nguyễn Quang Thuấn
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Những năm đầu thế kỷ thứ XXI đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của nước Nga dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Putin. Về đối ngoại, LB Nga duy trì quan hệ hữu nghị, láng giềng thân thiện với tất cả các nước trên thế giới, cùng nhau giải quyết các vấn đề vì lợi ích chung. Mục đích của Nga trên trường quốc tế là đảm bảo an ninh biên giới và thiết lập các điều kiện bên ngoài có lợi cho việc giải quyết các vấn đề nội bộ của Nga. Bài viết này sẽ phân tích vị trí của ASEAN trong chính sách đối ngoại của LB Nga và xu hướng phát triển quan hệ Nga-ASEAN trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay.

Sau những năm thực hiện chính sách đối ngoại dựa vào phương Tây nhằm tìm kiếm sự giúp đỡ về vốn, kỹ thuật để xây dựng nền kinh tế thị trường, đặc biệt sự ủng hộ về mặt quốc tế cho Nga kế thừa địa vị pháp lý của Liên Xô không thu được kết quả như mong đợi, từ năm 1993 Liên bang Nga đã điều chỉnh chính sách đối ngoại theo hướng “cân bằng Đông-Tây”. Bước vào thế kỷ XXI dưới sự lãnh đạo của Tổng thống Putin, chính sách

đối ngoại theo hướng cân bằng Đông - Tây được khẳng định rõ hơn. Nhìn chung Nga xây dựng chính sách đối ngoại đa phương, duy trì, củng cố quan hệ với các quốc gia SNG trong không gian hậu Xô viết, phát triển quan hệ với Mỹ và EU, tăng cường quan hệ hợp tác tin cậy với các nước châu Á. Tuy nhiên, xét theo thứ tự ưu tiên trong chính sách đối ngoại hiện nay, Nga ưu tiên số một là không gian hậu Xô viết – các nước SNG, thứ hai là EU và tiếp theo là các nước và khu vực thuộc khuôn khổ Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương bao gồm Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và ASEAN.

1. Quan hệ Nga – SNG

Sau khi Liên Xô sụp đổ, Nga cùng với các nước khác của Cộng đồng SNG đã cố gắng xúc tiến tái liên kết trong không gian hậu Xô viết. Tuy nhiên do những khó khăn của LB Nga và các nước Cộng hoà SNG và những ưu tiên đối ngoại khác nhau trong thời gian vừa qua nên quan hệ này phát triển còn chưa tương xứng. Trong những năm thập kỷ

90, tỷ trọng xuất khẩu giữa những nước này với tổng sản phẩm quốc nội giảm đáng kể từ 11,7% năm 1990 xuống còn 1,8% năm 2001, tức giảm 6,4 lần¹.

Để thúc đẩy hợp tác với các nước SNG, tháng 2 năm 2003 bốn quốc gia phát triển hơn cả của SNG là Belorussia, Cadácstan, Nga và Ukraina đã thành lập Tổ chức Liên kết khu vực (ORI) và chính thức tuyên bố về ý định thành lập Không gian Kinh tế chung (EEP) và khu vực thương mại tự do.

Trong năm 2004, kim ngạch thương mại giữa Nga với các nước SNG tăng lên khoảng 35,9% (đến tháng 11/2004), trong đó xuất khẩu tăng 38,2%, nhập khẩu tăng 32,6%. Tốc độ tăng trưởng doanh số thương mại của Nga với SNG tăng nhanh hơn so với Nga, các nước và lãnh thổ khác là 7,8%, trong đó xuất khẩu là 7,2% và nhập khẩu là 10%. Cán cân thương mại giữa Nga và các nước SNG năm 2004 (từ tháng 1-11) dương 8,5 tỷ USD (so với cùng thời kỳ năm 2003 là 5,6 tỷ USD). Những bạn hàng chính trong SNG của Nga chính là bộ tứ trong triển vọng hình thành không gian kinh tế thống nhất (Belorussia, Ukraina, và Cadácstan), chiếm 90,6% doanh số của Nga với SNG (năm 2003 là 90%), hay 16,5% tổng doanh số ngoại thương của Nga. Đứng hàng đầu là Belorussia chiếm 6,7% tỷ trọng ngoại thương của Nga và là bạn hàng lớn thứ hai sau Đức, tiếp tới là Ukraina 6,6% đứng thứ ba và Cadácstan 3,2% đứng thứ 8 ngang với Ba Lan và Phần Lan.

Xuất khẩu của Nga vào SNG 11 tháng đầu năm 2004 khoảng 26,4 tỷ USD, tăng 38,2 % so với năm trước, trong đó khí đốt tăng 19,8%, còn dầu thô hầu như không thay đổi. Số lượng thiết bị máy móc và phương tiện vận tải tăng 24,4%, nhưng về doanh số tăng 40,4% do giá các mặt hàng liên quan tới nguyên, nhiên liệu đều tăng, tuy nhiên về tỷ trọng trong cơ cấu hàng hoá vẫn giữ nguyên mức 21,6%.

Nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2004 là 17,9 tỷ USD tăng 32,6% so với năm trước, chiếm tỷ trọng 21,4 % tổng nhập khẩu của Nga. Cơ cấu hàng nhập khẩu từ các nước SNG tỷ trọng hàng nhu yếu phẩm vẫn giữ nguyên như năm 2003 là 22% còn máy móc thiết bị là 20,5% (tăng lên 2%), kim loại và các sản phẩm kim loại là 19% (năm 2003 là 17,8%).

Sang năm 2005, tình hình có thay đổi. Mặc dù có sự tăng trưởng xuất khẩu của Nga vào các nước SNG 11 tháng đầu năm 2005, nhưng các nước SNG chỉ chiếm 14,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của Nga. Thương mại Nga - Belorussia giảm từ 16% đến 13,6%. Nhập khẩu 11 tháng đầu năm 2005 theo đánh giá của Bộ Phát triển Kinh tế và Thương mại là 108,8 tỷ USD (tăng 27,8% so với cùng kỳ năm 2004), trong đó các nước ngoài SNG là 89,1 tỷ USD (tăng 32,1%), các nước SNG là 19,7 tỷ USD (tăng 11,3%).

Trong những năm vừa qua, xuất phát từ những ưu tiên phát triển, Nga cũng như các quốc gia trong SNG đang tự xác định hình thức và quy mô hợp tác trong Cộng đồng

¹ Xem BIKI. 26/04/2003. tr.6.

nhằm sử dụng tối đa Cộng đồng để củng cố hơn vị trí địa-chính trị và kinh tế của mình. Mong muốn hiện nay của các nước thành viên là nhận được sự hỗ trợ của Cộng đồng về mặt chính trị - quân sự hoặc hỗ trợ giải quyết các vấn đề đối nội. Những chi phí hoạt động phát triển của SNG đều do Nga đảm bảo, theo cơ chế bao cấp. Trong vòng 10 năm đầu tồn tại của SNG, chỉ tính những chi phí trực tiếp của Nga từ việc cung cấp cho các đối tác SNG năng lượng theo giá ưu đãi là không ít hơn 70-80 tỷ đôla². Tuy nhiên, do những khó khăn khác nhau và những định hướng chính sách của các nước SNG chưa rõ ràng, những năm vừa qua liên kết trong SNG còn hạn chế. Ngoài ra hiện nay xu thế li tâm do sức hút của phương Tây ngày càng mạnh mẽ. Một số các nước SNG như Môngđôva, Grudia, Acmenia đã gia nhập WTO, các nước khác như Ucraina và các nước Trung Á nhiều đầu lửa cũng hướng tới các nước phương Tây để giảm bớt sự lệ thuộc vào Nga.

Hiện nay, Nga vẫn quan tâm phát triển toàn diện các quan hệ thương mại song phương và các quan hệ hợp tác cùng có lợi với tất cả các quốc gia trong khu vực và xác định đây là một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách đối ngoại. Trong thông điệp của Tổng thống Nga nêu rõ: "Ưu tiên tuyệt đối trong chính sách đối ngoại của Nga vẫn là củng cố quan hệ với các nước SNG,

chúng ta coi khu vực SNG là khu vực có lợi ích chiến lược".

2. Quan hệ Nga – EU

Từ năm 2000, LB Nga đã tăng cường quan hệ đối tác chiến lược với EU, thể hiện qua Tuyên bố chung Nga - EU. Sự kiện EU mở rộng càng làm cho quan hệ Nga - EU có vị trí quan trọng hơn trong chính sách đối ngoại của Nga cũng như của EU, vì các lý do:

Thứ nhất, EU mở rộng - làm cho biên giới nước Nga giáp với 5 nước thành viên EU kéo dài tới 22.000 km, trong đó ở bốn nước thành viên mới, đặc biệt là Látvia và Estonia có một số lượng lớn người Nga sinh sống. EU mở rộng còn bao bọc một phần lãnh thổ của Liên bang Nga, đó là vùng Kaliningrat.

Thứ hai, quan hệ thương mại giữa Nga và EU không ngừng phát triển, tăng từ 14,4 tỷ USD năm 1992 lên 125 tỷ USD năm 2004. EU là đối tác thương mại quan trọng nhất của LB Nga, chiếm 53,4 % tỷ trọng ngoại thương của LB Nga. LB Nga đứng thứ năm trong các nước xuất khẩu vào EU. Năm 2004 tổng xuất khẩu từ Nga vào EU là 91 tỷ USD, và đứng thứ sáu trong số các nước nhập khẩu từ EU, với doanh số 34 tỷ USD. Xuất khẩu từ Nga vào EU chủ yếu là năng lượng và nguyên liệu, còn nhập khẩu từ EU vào Nga chủ yếu là hàng công nghiệp và hàng tiêu dùng. Buôn bán năng lượng có vị trí hết sức quan trọng đối với cả Nga và EU. Năm 2000 EU nhập khẩu tới 53% khối lượng dầu mỏ

² Một vài khía cạnh kinh tế của hợp tác các nước SNG. Tạp san Kinh tế đối ngoại, 2003, No1, tr.59.

xuất khẩu của Nga và 63% khí đốt của EU do Nga cung cấp³.

Về đầu tư, EU là nguồn cung cấp gần 70% đầu tư nước ngoài vào Nga, trong đó Anh, Hà Lan, Đức là những nước có đầu tư FDI lớn nhất của EU vào Nga, và EU có tới 6 nước trong danh sách 10 nước hàng đầu về đầu tư FDI của Nga. Năm 2004, Hà Lan vượt Mỹ, đứng lên hàng thứ 2, sau Ai Cập.

Như vậy, việc Liên minh Châu Âu mở rộng đã mở ra một giai đoạn mới trong quan hệ Nga – EU. Trong thời gian tới, hai bên cần có những bước đi thích hợp nhằm tăng cường quan hệ song phương như được khẳng định trong Tuyên bố chung Nga – EU vào tháng 5 năm 2003. Đó là:

Thứ nhất, xây dựng cơ chế hợp tác và đối thoại mới với đối tác chiến lược Nga – EU trong những năm đầu của thế kỷ XXI, đó là tăng cường vai trò của “Hội đồng hợp tác” thành “Hội đồng đối tác thường trực”.

Thứ hai, hướng tới một không gian kinh tế chung: Tiếp tục đàm phán vấn đề năng lượng và cải thiện môi trường đầu tư, thỏa thuận vấn đề an toàn hạt nhân, ủng hộ Nga ký nghị định thư Kyoto, ủng hộ Nga gia nhập WTO.

Thứ ba, xây dựng quan hệ Nga – EU: láng giềng và đối tác.

Thứ tư, hai bên tiếp tục hợp tác kiểm soát buôn bán ma túy, tội phạm có tổ chức quốc tế, đồng thời xây dựng cơ chế chống

chủ nghĩa khủng bố quốc tế và giải quyết vấn đề Chesnia.

Thứ năm, đối tác trong quan hệ quốc tế, kiểm soát khủng hoảng và an ninh quốc tế. Hai bên đã thỏa thuận về bốn Không gian chung là: Không gian kinh tế; Không gian an ninh bên ngoài; Không gian về tự do, an ninh và tư pháp; Cuối cùng là Không gian về khoa học, giáo dục và văn hóa.

Tại hội nghị thượng đỉnh Nga – EU diễn ra ngày 4 - 5 tháng 10 năm 2005, tại Luân Đôn, Anh, Tổng thống Putin và Thủ tướng Anh Tony Blair, Chủ tịch luân phiên của EU đã ra tuyên bố chung, khẳng định tăng cường hợp tác trong lĩnh vực xây dựng không gian kinh tế Nga - EU. Hướng tới thị trường mở, liên kết hơn nữa Nga và EU, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động kinh tế, phát triển thương mại và đầu tư, tăng cường quan hệ trong lĩnh vực năng lượng, vận tải, nông nghiệp, môi trường, tăng cường hợp tác trong quá trình cải tổ kinh tế, thúc đẩy khả năng cạnh tranh của hai phía trên cơ sở không phân biệt đối xử, minh bạch và hiệu quả, thúc đẩy đối thoại giữa các doanh nghiệp Nga và Cộng đồng Châu Âu trong khuôn khổ hội nghị bàn tròn các nhà công nghiệp châu Âu.

Nếu chỉ nhìn nhận dưới góc độ kinh tế thì EU là đối tác quan trọng nhất của Liên bang Nga trong giai đoạn hiện nay và quan hệ kinh tế thương mại Nga – EU phát triển khả quan nhất.

³ nguồn www. President.ru

3. Quan hệ Nga – khu vực Châu Á-Thái Bình Dương

Trước khi diễn ra Hội nghị các Bộ trưởng Kinh tế APEC lần thứ 13 tháng 11/2005 tại Busan Hàn Quốc, Tổng thống Nga Putin khẳng định: “Tham gia vào APEC là một trong những hướng ưu tiên tất yếu và lâu dài trong chính sách đối ngoại nói chung và đường lối kinh tế đối ngoại của Nga trong khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Mục đích của chúng tôi là thúc đẩy sự phát triển kinh tế – xã hội của đất nước mình, trước hết là vùng Viễn Đông và Siberi...”⁴. Những đối tác quan trọng hàng đầu của Nga trong APEC là Mỹ, Trung Quốc, rồi đến Nhật Bản, và các nước Đông Nam Á...

Quan hệ Nga - Mỹ

Qua nhiều thăng trầm, sự kiện ngày 11/9/2001 ở Mỹ đã làm thay đổi tình hình thế giới cũng như quan hệ Nga – Mỹ. Tại cuộc gặp Thượng đỉnh Nga – Mỹ tháng 11/2001, Tổng thống Nga Putin tuyên bố: “Sự kiện ngày 11/9 đã làm cho hai nước Nga và Mỹ xích lại gần nhau hơn bao giờ hết”, đánh dấu sự thay đổi căn bản trong quan hệ hai nước.

Tháng 5 năm 2002, nguyên thủ hai nước đã có cuộc gặp gỡ và ký kết Tuyên bố chung về quan hệ chiến lược Nga-Mỹ, đánh dấu quan hệ hai nước đã vượt qua giai đoạn đối đầu, bước vào giai đoạn hợp tác để tìm kiếm lợi ích cho mỗi bên. Trong năm 2002 quan hệ kinh tế thương mại Nga – Mỹ tiếp tục phát

triển, mặc dù vẫn còn nhiều rào cản cản trở việc trao đổi hàng hoá và dịch vụ bình thường giữa hai nước. Năm 2002 Nga là bạn hàng đứng thứ 35 của Mỹ. Mỹ là một trong những nhà đầu tư lớn vào nền kinh tế Nga, chiếm 26,7% tổng vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất của các công ty, chiếm 54% tổng vốn đầu tư trực tiếp.

Năm 2004 buôn bán hai chiều giữa 2 nước đạt 14 tỷ USD. Tuy vậy, Nga vẫn là bạn hàng đứng dưới thứ 20 của Mỹ. Cơ cấu xuất khẩu chính từ Nga vào Mỹ vẫn là nguyên liệu kim loại đạt 3 tỷ USD, trong đó: kim loại đen 1,2 tỷ USD, nhôm 1,17 tỷ USD, bạc và platin 363 triệu USD, nikel 170 triệu USD. Vị trí thứ hai là nhiên liệu đạt 2,8 tỷ USD, cụ thể dầu thô hơn 1 tỷ USD, các sản phẩm có độ chế biến cao là 1,76 tỷ USD, ngoài ra công nghiệp hoá chất 1 tỷ USD, công nghiệp nhẹ 250 triệu USD, đồ uống 150 triệu USD. Nhập khẩu từ Mỹ vào Nga chủ yếu là ô tô và phương tiện vận tải chiếm hơn 50% với 1,04 tỷ USD, nhu yếu phẩm 475 triệu USD, thịt gia cầm 380 triệu USD.

Trong 9 tháng đầu năm 2004, Mỹ chiếm vị trí thứ ba về tổng vốn FDI vào Nga (4,2 tỷ USD, còn trong năm 2003 là 4,7 tỷ USD) đứng sau Hà Lan 7,8 tỷ USD và Ai Cập 5,5 tỷ USD. Hơn một nửa đầu tư của Mỹ là vào lĩnh vực nhiên liệu, năng lượng của Nga. Tháng 10/2001, công ty Exxon Mobil tuyên bố trong giai đoạn đầu của dự án Xakhalin-1 đầu tư hơn 12 tỷ USD. Công ty Sevrôn – Texaco đã thực hiện gần một nửa trong số 2,6 tỷ USD đầu tư vào dự án đường ống dẫn Caspi-

⁴ V. Putin. Nga – APEC chân trời hợp tác rộng mở, ngày 17/11/2005, www.mid.gov.ru

Tengiz đến Novorosick. Năm 2003, công ty Maraton oil đầu tư 275 triệu USD vào hãng dầu Khant – Mancı. Trong lĩnh vực chế tạo ô tô, dự án liên doanh GM-Avtovaz năm 2001 là lớn nhất. Tổng vốn đầu tư ngay khi thành lập là 338,2 triệu USD, vào tháng 8/2002 tiếp tục bổ sung vốn 195,7 triệu USD, bên General Motor nắm giữ 41,5%: cung cấp 50 triệu tiền thiết bị và 99 triệu USD vốn. Hãng Ford xây dựng nhà máy lắp ráp xe ô tô du lịch ở thành phố Vxevolozck vùng Leningrat tổng vốn 150 triệu USD, công xuất 25 ngàn xe năm, sản xuất từ tháng 7/2002. Hàng loạt các hãng sản xuất hàng tiêu dùng của Mỹ đã đầu tư vào Nga như Gilet, kẹo Mars (120 triệu USD), thuốc lá Philipp Moris – 330 triệu USD, đồ uống không cồn như Pepsi, Coca v.v..

Trong thời gian gần đây, hợp tác đầu tư Nga-Mỹ đã xuất hiện luồng FDI từ Nga sang Mỹ. Trong năm 2000, Lukoil bỏ ra 71 triệu USD để có được hệ thống bán lẻ AZC Getti ở Mỹ với gần 1.300 trạm. Năm 2003, Noril Nikel mua 56% cổ phần của công ty Stiluoter Mining ở bang Montana, chuyên sản xuất các sản phẩm kim loại nhóm platin. Tháng 2/2004, công ty kim loại Phương Bắc bỏ ra 285 triệu USD để mua toàn bộ cổ phần của công ty Ruz Industry đứng hàng thứ 5 ở Mỹ về sản xuất thép. Như vậy đầu tư trực tiếp từ Nga vào Mỹ cũng đạt gần con số 1 tỷ USD.

Sau một giai đoạn chững lại do khủng hoảng tài chính năm 1998, đến năm 2000 bắt đầu hàng loạt dự án hợp tác trong lĩnh vực đầu tư tài chính, bao gồm Công ty Đầu tư từ

nhân nước ngoài OPIC và Ngân hàng EXIMBANK (tín dụng theo các kênh của ngân hàng này khoảng 1,8 tỷ USD trong giai đoạn từ 1997 – 2001). Tháng năm 2002 Tổ chức Tài chính tín dụng quốc gia Mỹ (bao gồm OPIC và Eximbank) đã quyết định nâng mức tín dụng của Nga lên, sau quyết định của các nước phát triển nâng mức tín dụng cho Nga vào tháng 4/2002.

Tháng 9/2003 bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực tài chính trong các liên doanh Nga – Mỹ với nước thứ ba được kí kết giữa Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng Xuất nhập khẩu Nga và Ngân hàng Xuất nhập khẩu Mỹ. Đây là bước đi đầu tiên đặt quan hệ hợp tác của các ngân hàng Nga với các ngân hàng quốc gia của Mỹ.

Quan hệ Nga – Trung Quốc

Ngày 16/7/2001 tại Matxcova Chủ tịch Trung Quốc Giang Trạch Dân và Tổng thống Nga Putin đã ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác, đặt nền tảng cho sự phát triển mối quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện giữa Nga và Trung Quốc trong 20 năm đầu thế kỷ 21.

Với việc ký kết hiệp ước hợp tác láng giềng thân thiện này, quan hệ Nga-Trung trong những năm đầu thế kỷ 21 được nâng lên tầm cao mới. Hai nước tăng cường quan hệ về kinh tế và quốc phòng, hợp tác sâu rộng hơn trong lĩnh vực chính trị và ngoại giao nhằm thúc đẩy thế giới phát triển theo xu hướng đa cực hoá, củng cố hoà bình và ổn định ở khu vực cũng như trên thế giới.

Nga là một trong mười bạn hàng lớn của Trung Quốc. Tỷ trọng của Nga trong ngoại thương của Trung Quốc năm 2004 khoảng 1,84%, tuy không lớn nhưng trong một số lĩnh vực lại đóng vai trò hết sức quan trọng. Nga đứng đầu về cung cấp gỗ 64,7%, phân bón 47,4%, hải sản 44,5%, chiếm vị trí quan trọng trong xuất khẩu dầu 8,75%, kim loại đen 13,9%, giấy và bột xenlulô 12,8%. Năm 2004 thương mại hai chiều Nga – Trung tăng 34,7% so với năm 2003. Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của Nga từ 15,7% năm 2003 lên 24,7% năm 2004 và đạt con số 12,13 tỷ USD, còn nhập khẩu từ Trung Quốc tăng 50,9% đạt mức 9,1 tỷ USD, thặng dư thương mại của Nga với Trung Quốc là 3,03 tỷ USD.

Trong 4 tháng đầu năm 2005 tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh trong thương mại hai chiều Nga – Trung, đạt 7,84 tỷ USD, tăng 25,9%. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Nga vào Trung Quốc có xu hướng tăng dần tỷ trọng nguyên liệu và sơ chế như dầu thô, gỗ nguyên liệu, phân bón, hải sản, kim loại mầu và đen năm 2003 là 76,1%, năm 2004 tăng lên 84,2%.

Hiện nay có tới 43 dự án đầu tư của Trung Quốc vào Nga trong lĩnh vực khai thác chế biến gỗ, ngoài ra đã có liên doanh sản xuất bột giấy và xenlulô ở vùng Khabarôv với công suất 300 ngàn và 600 ngàn tấn đang được thực hiện.

Rõ ràng là thương mại hai chiều giữa hai nước tăng lên nhanh chóng, đặc biệt là từ sau

khi Trung Quốc trở thành thành viên của WTO từ năm 2001. Dự báo trong năm 2005, thương mại hai chiều Nga – Trung Quốc đạt 25 tỷ USD. Hiện nay hai nước đang phấn đấu để đến năm 2010 thương mại hai chiều Nga-Trung sẽ đạt 60 tỷ USD.

Quan hệ Nga – Nhật Bản

Nhật Bản là bạn hàng lớn thứ hai của Nga, sau Trung Quốc ở châu Á. Bắt đầu từ năm 2003 có sự tăng trưởng ổn định trong quan hệ kinh tế thương mại giữa hai bên.

Năm 2004 doanh số thương mại hai chiều Nga – Nhật đạt 8,8 tỷ USD, tăng gần 50% so với năm 2003. Trong đó xuất khẩu từ Nga tăng 35%, đạt 5,7 tỷ USD còn nhập khẩu tăng 80%, đạt 3,1 tỷ USD. Trong năm 2005, vẫn duy trì mức tăng trưởng như vậy. Trong 3 quý đầu năm doanh số thương mại hai chiều đạt khoảng 7,7 tỷ USD (tăng 22%), trong đó xuất khẩu của Nga 4,5 tỷ USD (tăng 11%), còn nhập khẩu 3,2 tỷ USD (tăng 41%). Dự báo trong cả năm 2005 doanh số hai chiều đạt khoảng 10 tỷ USD với xuất khẩu 6 tỷ, nhập khẩu 4 tỷ USD.

Tỷ trọng của Nga trong ngoại thương của Nhật Bản năm 2004 là 0,9%, trong đó chiếm 0,6% xuất khẩu và 1,3% nhập khẩu của Nhật Bản, còn Nhật Bản chiếm tỷ trọng gần 3% ngoại thương của Nga. Nếu xét riêng từng chủng loại hàng xuất khẩu từ Nga vào Nhật Bản, Nga là người cung cấp số 1 về nhôm 25%, gỗ tròn 26%, Nikel 14% nhập khẩu của Nhật Bản, thứ hai về paladi 30%, thứ 3 về platin 4,5%, thứ tư về than 7,2%.

Trong giai đoạn hiện nay, hai bên đã đạt được một số bước tiến phát triển hợp tác kinh tế theo hướng thương mại - đầu tư và tài chính - tín dụng nhằm thúc đẩy Nga hội nhập hơn nữa vào nền kinh tế thế giới cũng như phát triển hợp tác kinh tế với các chủ thể của Nga. Hướng hợp tác chiến lược Nga - Nhật Bản là tổ hợp nhiên liệu - năng lượng, cụ thể là triển vọng về dự án dầu khí Xakhalin, bao gồm: Xakhalin-1, Nhật Bản góp 35% vốn, và Xakhalin-2 Nhật Bản góp 45% vốn. Dự kiến cả hai dự án này đầu tư từ phía Nhật Bản lên tới 5 tỷ USD. Ngoài ra dự án xây dựng đường ống dẫn dầu Đông Xibiry - Thái Bình Dương, khai thác than ở Yakut v.v... là những dự án hợp tác đầy triển vọng của hai bên.

Trong năm 2005 FDI của Nhật Bản vào Nga bắt đầu khởi sắc với việc Hãng Toyota đầu tư 15 tỷ Yên vào xây dựng nhà máy lắp ráp ở Xanh Petecbua, mở đầu cho làn sóng các hãng xe hơi Nhật Bản đầu tư vào Nga. Ngoài ra, tháng 9/2005 Hãng Ashahi glass đã đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất kính xây dựng ở thành phố Klin. Đồng thời Hãng Komatsu cũng tuyên bố sẽ đầu tư nhà máy sản xuất thiết bị làm đường ở Nga trong 2-3 năm tới.

Một nguồn dự trữ về đầu tư của Nhật Bản là tín dụng của Ngân hàng Hợp tác quốc tế Nhật, đã cùng với một số ngân hàng thương mại Nhật cung cấp tín dụng mà không cần bảo lãnh của Chính phủ Nga. Trong giai đoạn 2002-2005, tín dụng được cung cấp cho Ngân hàng ngoại thương Nga,

Ngân hàng quốc tế Matxcova và Ngân hàng tiết kiệm Nga. Hợp tác trong xây dựng đường sắt xuyên Sibiri, cảng biển ở Vladivostock, cũng là lĩnh vực nhiều triển vọng trong quan hệ hợp tác kinh tế Nga - Nhật. Ngoài ra, một loạt các lĩnh vực khác như công nghệ hàng không vũ trụ, công nghệ hạt nhân vì hoà bình, công nghệ thông tin v.v.. cũng hấp dẫn đối với cả hai phía. Nhật Bản tích cực hợp tác với Nga trong khuôn khổ APEC và tiếp tục thúc đẩy khu vực Viễn Đông giàu có của Nga hội nhập vào châu Á. Mới đây, tháng 11/2005 trong chuyến thăm Nhật Bản của Tổng thống Putin, hai bên đã nỗ lực thúc đẩy quan hệ về kinh tế, đặc biệt là việc cùng nhau hợp tác trong việc xây dựng đường ống dẫn dầu ra Thái Bình Dương của Nga.

Trong triển vọng 2006- 2008, phía Nga dự báo tiếp tục duy trì tốc độ phát triển hợp tác thương mại hai bên, và cán cân thương mại vẫn nghiêng về phía Nga với thặng dư 1,5 -2 tỷ USD.

4. Quan hệ Nga - ASEAN

Quan hệ đối ngoại LB Nga và ASEAN tuy không được đặt trong vị trí ưu tiên chiến lược trong chính sách đối ngoại của cả hai phía, nhưng ngày càng có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế cũng như ổn định an ninh chính trị trong khu vực và trên thế giới. Trong những năm gần đây, sự hợp tác toàn diện giữa Nga và ASEAN có những bước phát triển đáng kể. Bộ Ngoại giao Nga hàng năm tham gia hội nghị cấp bộ trưởng đối thoại hợp tác trong hình thức "10+10" và "10+1". Thực hiện chế độ đàm thoại cấp cao về các vấn đề chính trị, đa số các cơ quan đối

thoại chính của Nga tham gia vào hội đồng hợp tác Nga - ASEAN.

ASEAN là một khu vực phát triển năng động, năm 2004 tăng trưởng trung bình của cả khu vực là 6%, so với châu Phi 5,1%; Mỹ Latinh 5,7%, hay GDP toàn cầu ở mức 5.1%. Năm 2005 dự báo mức tăng trưởng cũng ở mức xấp xỉ 6%. Triển vọng tăng trưởng tiếp tục tạo nên sự hấp dẫn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào khu vực cùng với sự bùng nổ thương mại. Năm 2004, tổng thương mại của ASEAN tăng trưởng 23%, từ 845,5 tỷ USD lên 1.000 tỷ USD. Khoảng 70% thương mại của ASEAN với 5 đối tác hàng đầu: Nhật Bản 135,9 tỷ, Mỹ và EU 119,1 tỷ, Trung Quốc 81,9 tỷ USD, thương mại nội Khối 221,6 tỷ. Về tốc độ phát triển thương mại, năm 2004 các đối tác có tốc độ phát triển cao nhất là: LB Nga 43%, Ấn Độ 41%, Trung Quốc 37%, Ôxtrâyliia 31%, New Zealan 41%. Năm 2004, thương mại hai chiều Nga-ASEAN đã đạt 4,4 tỷ USD, tăng hơn 1 tỷ USD so với năm 2003, tuy nhiên Nga mới chỉ chiếm hơn 0,4% tổng thương mại của ASEAN⁵.

Tại Hội nghị thượng đỉnh Nga – ASEAN diễn ra ngày 13/12/2005 ở Kuala Lumpur, hai bên đã ra Tuyên bố chung và Chương trình Hợp tác hành động giai đoạn 2005-2015. Trong Tuyên bố chung tại Hội nghị Thượng đỉnh Nga – ASEAN lần thứ nhất diễn ra tại Kuala Lumpur ngày 13/12/2005, hai bên cam kết phát triển hơn nữa quan hệ đối tác đối

thoại. Tuyên bố chung khẳng định hợp tác đối tác sẽ củng cố sự phát triển kinh tế, phát triển bền vững, thịnh vượng và tiến bộ xã hội của cả hai bên trên nguyên tắc bình đẳng, chia sẻ trách nhiệm và cùng có lợi, thúc đẩy hơn nữa hoà bình, ổn định, an ninh và thịnh vượng trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương.

Lĩnh vực hợp tác an ninh – chính trị vẫn là ưu tiên hàng đầu. Hai bên cam kết hợp tác chặt chẽ hơn trong việc đối phó, giải quyết các vấn đề toàn cầu như chống khủng bố, chống ma tuý, rửa tiền, buôn lậu người và vũ khí, cũng như các vấn đề về môi trường, dịch bệnh. Hai bên sẽ hợp tác chặt chẽ hơn nữa trong khuôn khổ các tổ chức khu vực như Diễn đàn khu vực ARF, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á-Thái Bình Dương APEC, Hợp tác đối thoại Châu Á ADC. ASEAN và Nga cũng cam kết sẽ tăng cường hợp tác trong khuôn khổ Tổ chức Thượng Hải SCO.

Hai bên khẳng định thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế thương mại, tới đây sẽ tập trung vào các lĩnh vực đầy tiềm năng như công nghiệp, năng lượng, nông nghiệp, giao thông vận tải, khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, phát triển nguồn nhân lực v.v... Ngoài ra, hai bên tiếp tục thúc đẩy các lĩnh vực khác như bảo vệ môi trường, du lịch phát triển nguồn nhân lực nhằm thúc đẩy quan hệ hai bên lên tầm cao mới trong thập kỷ 21.

⁵ Báo cáo của Ong Keng Iong – 10/2004.

Có thể thấy rằng, quan hệ kinh tế-thương mại Nga-ASEAN đang ở giai đoạn đầu phát triển, hoàn toàn chưa tương xứng với tiềm năng và mong muốn của cả hai phía. Mặc dù ASEAN là khu vực phát triển năng động với nhiều mô hình liên kết linh hoạt kết hợp song phương, đa phương, nhiều chiều kích, nhưng giữa Nga và ASEAN rõ ràng còn thiếu cơ chế điều tiết chung, đó chính là WTO. Một khi Nga là thành viên của WTO, chắc chắn quan hệ kinh tế thương mại giữa Nga-ASEAN sẽ phát triển rất năng động. Quan hệ kinh tế-thương mại Nga-ASEAN còn rất nhỏ bé, chưa tương xứng với tiềm năng cũng như quan hệ chính trị - ngoại giao của hai bên.

Tuy nhiên, trong bối cảnh quốc tế mới hiện nay, đặc biệt sau Hội nghị thượng đỉnh Nga-ASEAN tháng 12 năm 2005 vừa qua cho thấy ASEAN ngày càng có vị trí quan trọng trong chính sách đối ngoại của Nga, bởi vì:

Thứ nhất, xét về vị trí địa lý, ASEAN không tiếp giáp trực tiếp với lãnh thổ của Nga như khu vực Đông Bắc Á, nhưng xét về địa-chiến lược đây là khu vực mà Nga có sự ràng buộc về lợi ích quân sự, an ninh chính trị, kinh tế hàng hải, do vậy ASEAN có vị trí riêng trong chính sách đối ngoại của Nga.

Thứ hai, với sự phát triển năng động của ASEAN trong những năm vừa qua ASEAN trở thành tâm điểm của các cuộc cạnh tranh địa-chiến lược giữa các cường quốc khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ. Đặc biệt trong quá trình liên kết Đông Á ngày nay, ASEAN có vai trò ngày càng quan trọng, khi mà giữa Trung Quốc và Nhật Bản còn nhiều bất đồng. Ngoài ra, ASEAN còn là tâm điểm

của các hiệp định tự do thương mại song phương của nhiều nước phát triển. Hiện nay, Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ôtraylia đều đã hình thành sáng kiến hiệp định thương mại tự do song phương với ASEAN.

Thứ ba, bước vào thế kỷ thứ XXI Liên bang Nga đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên tất cả các mặt, đang từng bước tìm kiếm vị thế cường quốc của mình. Để thực hiện mục tiêu tìm kiếm vị thế quốc tế với tư cách là cường quốc khu vực châu Á nói chung, Đông Nam Á nói riêng ngày càng có vị trí quan trọng hơn.

Gắn đây với việc thực hiện chính sách đối ngoại hướng Đông, ASEAN ngày càng có vai trò quan trọng trong chính sách đối ngoại của LB Nga. Phát triển quan hệ với ASEAN còn tạo cơ hội để Nga tham gia vào tiến trình liên kết Đông Á.

Thứ tư, Việt Nam hiện là thành viên chính thức của ASEAN, có quan hệ truyền thống lâu đời với LB Nga và là điều phối viên của Nga trong việc thúc đẩy quan hệ Nga-ASEAN. Việt Nam đã và đang có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mối quan hệ này trong thời gian tới. Vai trò và vị thế của Việt Nam trong ASEAN ngày càng được nâng cao, tạo những tiền đề thuận lợi cho Nga tăng cường quan hệ toàn diện với khu vực phát triển năng động này. Trong chuyến thăm chính thức của Thủ tướng LB Nga tháng 2-2006 vừa qua, Thủ tướng Phan Văn Khải khẳng định Việt Nam luôn ủng hộ mối quan hệ đối tác chặt chẽ giữa Nga và ASEAN mà Việt Nam là một thành viên.